

NHỮNG KHẢ NĂNG HOÀ NHẬP CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT TẠI CỘNG HOÀ BELARUS

Ths. Lê Thanh Vạn
Bộ Ngoại giao

1. Thực trạng cộng đồng người Việt ở Belarus

Cộng đồng người Việt hiện nay ở Cộng hòa Belarus (BLR) có khoảng gần 1.000 người, trong đó có khoảng 700 người cư trú thường xuyên, số còn lại di cư tự do đến từ Nga, các nước SNG khác. Thời Xô viết, theo các số liệu của Bạn, số người Việt sang học tập và lao động tại BLR có thời điểm lên tới 5.000 người. Hiện nay, cộng đồng người Việt học tập, làm ăn và sinh sống tại BLR phân bố rải rác khắp lãnh thổ BLR, nhưng tập trung chủ yếu ở thủ đô Minsk và các thành phố lớn như Gomel (giáp biên giới Ucraina), Brest (giáp biên giới Ba Lan), Grodno (giáp biên giới Ba Lan và Litva) v.v... Cũng chính vì gần về địa lý mà cộng đồng người Việt ở Belarus có mối giao lưu và quan hệ chặt chẽ với cộng đồng người Việt ở các nước Đông Âu.

Theo các số liệu lưu trữ của Đại sứ quán Việt Nam tại Belarus, thành phần cộng đồng người Việt ở BLR được phân bố như sau: Lưu học sinh đang theo học ở các cơ sở đào tạo của Bạn chiếm khoảng 8-9%, tức khoảng gần 100 người; Lao động (công nhân xây dựng) làm theo hợp đồng (mới được đưa sang hơn một năm nay) khoảng 100 lao động; Người làm ăn buôn bán nhỏ, chủ yếu ở các chợ trung tâm của các thành phố chiếm khoảng 80-85%; Các nhà doanh nghiệp

khoảng 1-2%, trong đó các nhà doanh nghiệp lớn, có “máu mặt”, tức có số vốn trên 500.000 USD chiếm khoảng 0,5-1%, còn những người có vốn trên 1 triệu USD chỉ có khoảng 3-4 người. Đáng chú ý, số các doanh nghiệp lớn hầu hết xuất thân từ trí thức, tức đã từng là sinh viên hoặc nghiên cứu sinh ở các trường đại học ở BLR trong thời kỳ Xô viết. Sau khi Liên xô tan rã, cơ hội làm ăn xuất hiện, họ đã không trở về Việt Nam mà ở lại làm ăn tại BLR.

Chỉ trên cơ sở bức tranh chung vừa nêu về tình hình cộng đồng người Việt tại BLR có thể đưa ra nhận xét sơ bộ như sau: Để bám rễ, làm giàu ở nước sở tại cần phải có trí thức. Vì vậy đại bộ phận những nhà doanh nghiệp làm ăn thành đạt nhất, giàu có nhất là các trí thức. Điều này chứng tỏ vai trò của trí thức trong việc bám rễ vào xã hội sở tại là rất lớn.

2. Mức độ hoà nhập vào xã hội sở tại của cộng đồng người Việt

Xét về mức độ hoà nhập, cần phân ra mấy phạm trù từ thấp đến cao như sau: sự thích nghi về xã hội, sự hoà nhập về kinh tế, và cuối cùng là sự hoà nhập về chính trị (hoà nhập về chính trị ở đây cần được hiểu theo nghĩa sau: Ở mức thấp, có thể được nhận vào làm việc trong các cơ quan, xí nghiệp của nước sở tại và được hưởng theo quy chế như

công dân nước sở tại, còn ở mức cao hơn có thể được tham gia vào các cơ quan quản lý trong hệ thống chính trị của nước sở tại).

Nếu xét theo các tiêu chí đó, mức độ hoà nhập vào xã hội sở tại tại BLR của cộng đồng người Việt là nông và bấp bênh. Tuy nhiên nếu xét từng lĩnh vực thì thấy:

- **Thích nghi về xã hội:** Người Việt dễ thích nghi với xã hội sở tại ở các nước trong không gian hậu Xô viết nói chung và ở BLR nói riêng. Điều này có được là do nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Nhân tố khách quan là do uy tín quốc tế của nhân dân ta giành được trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Tình cảm của nhân dân các nước dành cho nhân dân ta được thể hiện ngay trong cả sự thân thiện và giúp đỡ của nhân dân địa phương đối với cộng đồng người Việt ở đó. Về nhân tố chủ quan, đại bộ phận người Việt ở các nước SNG nói chung và BLR nói riêng hiền lành, chăm chỉ lao động làm ăn, nói chung được người dân sở tại có thiện cảm, tuy về phong cách sống có văn hoá (mức độ văn minh, lịch lãm theo tiêu chuẩn châu Âu) còn phải phấn đấu nhiều.

- **Hoà nhập về kinh tế:** Do chăm chỉ, cần cù lao động làm ăn lại nhạy bén, thích nghi được với sự chuyển đổi kinh tế ở các nước sở tại nên cộng đồng người Việt, đa phần xuất thân từ lao động hợp đồng hoặc lưu học sinh từ thời kỳ Xô viết, đã tự vận động, bám trụ và phát triển, đồng thời đã có không ít người thành đạt trong làm ăn kinh tế tại thị trường các nước SNG. Tuy nhiên số người thành đạt còn ít so với tổng số người

trong cộng đồng người Việt nói chung. Sở dĩ như vậy vì:

* *Một là*, cũng giống như cộng đồng người Việt ở các nước trong không gian hậu Xô viết, cộng đồng người Việt ở BLR cũng có tâm trạng không ổn định theo kiểu “chân trong, chân ngoài”, tức là nếu tình hình làm ăn thuận lợi thì trụ lại làm ăn; ngược lại nếu tình hình khó khăn không làm ăn được thì di cư đi nơi khác. Rất ít người trong số họ có khả năng và may mắn đi sang được các nước EU giàu có hơn, còn đa phần di chuyển vòng quanh ở các nước trong không gian hậu Xô viết. Còn trong trường hợp không có cơ hội làm ăn nữa thì sẽ về nước.

* *Hai là*, tư duy theo kiểu làm ăn chụp giật. Tức là một số người có khả năng nhưng không chịu đầu tư để làm ăn lớn hơn tại nước sở tại vì sợ bị mất mát. Để chắc chắn hơn, họ gửi về bên nước hoặc gửi tiết kiệm, hoặc đầu tư vào một việc gì đó như mua nhà, mua đất v.v... Tại sao lại có tư duy này? Ở đây chỉ có thể lý giải bằng cách là đa số những người trưởng thành có kinh nghiệm làm ăn là những người đã từng trải qua các cuộc khủng hoảng kinh tế ở Liên Xô cũ và sau là ở các nước thuộc không gian hậu Xô viết, đã từng chứng kiến sự không ổn định cả về chính trị và kinh tế ở những nước này. Đồng thời không ít người đã chịu sự thiệt hại lớn về vật chất do tình hình không ổn định đó gây nên. Mặt khác, chính sách của chính quyền nước sở tại cũng đã thường xuyên thay đổi trong những năm cải cách, chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường (rõ nhất là trong những năm 90 của thế kỷ trước), gây nên sự

ngghi ngờ, không tin tưởng của các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có các nhà doanh nghiệp của Việt Nam. Ở BLR chính sách chuyển đổi còn chậm chạp hơn ở Nga và các nước SNG khác nên càng gây sự e ngại lớn hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào thị trường BLR.

- **Hoà nhập về chính trị:** Ở BLR, sự hoà nhập về chính trị trong mọi hình thức, kể cả ở mức thấp hay ở mức cao, hầu như không đáng kể. Ở mức thấp (tức là những người được nhận vào làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp của Nhà nước) chỉ có vài trường hợp. Đó là những người kết hôn vợ chồng với công dân nước sở tại, nhưng không có vốn, hoặc không biết làm ăn buôn bán, đành phải chấp nhận làm những công việc nặng nhọc, chân tay trong các ngành như lâm nghiệp và nông nghiệp, đồng thời chấp nhận có mức lương thấp đủ để tồn tại.

Còn ở mức cao (tức là những người có những cương vị nhất định trong các cơ sở sản xuất hoặc trong hệ thống chính quyền của Bạt) không có ai. Điều này có thể lý giải như sau: *Một là*, cộng đồng người Việt Nam chưa ai có đủ trình độ và khả năng để lọt vào những vị trí đó. *Hai là*, chính sách của các nước SNG nói chung và của BLR nói riêng chưa bao giờ cho phép công dân nước ngoài nói chung và Việt Nam nói riêng được có những vị trí này. *Ba là*, chính vì không hội đủ hai điều kiện đó, nên không có ai trong cộng đồng người Việt đặt mục tiêu phấn đấu để có thể giành vị trí nào đó trong hệ thống chính trị của nước sở tại.

Tóm lại, qua phân tích trên thấy rằng, mức độ hoà nhập vào xã hội BLR của cộng

đồng người Việt chưa sâu, mới chỉ có sự thích nghi ở một mức độ nhất định nào đó về lĩnh vực xã hội và kinh tế, còn trong lĩnh vực chính trị thì chưa có sự hoà nhập này.

3. Vai trò của trí thức trong quá trình hoà nhập

Như đã trình bày ở trên, hầu như tất cả các nhà doanh nghiệp lớn trong cộng đồng người Việt tại BLR có xuất xứ từ trí thức. Chẳng hạn các giám đốc của 03 công ty lớn nhất và thành đạt nhất tại BLR như: Giám đốc công ty xuất nhập khẩu MIVIMEC tốt nghiệp đại học ở BLR; Giám đốc một công ty phần mềm ở BLR tốt nghiệp tiến sỹ toán học ở BLR; Giám đốc công ty "Sài Gòn" - quản lý một khu vực lớn và hệ thống nhà ăn trong chợ lớn nhất tại BLR là Gdanovich - cũng đã tốt nghiệp cao đẳng ở Tadjikistan v.v... Đây là những ví dụ điển hình nhất. Những người này đều thông thạo tiếng Nga, hiểu biết sâu sắc về đất nước và con người nước sở tại. Trong số đó có 02 người có vợ, con là người dân sở tại, xác định lập nghiệp lâu dài tại BLR.

Giám đốc công ty MIVIMEC được đánh giá là nhà doanh nghiệp Việt Nam lớn nhất trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hoá vào thị trường BLR. Phạm vi xuất nhập khẩu hàng hoá của công ty MIVIMEC không chỉ bao gồm song phương Việt Nam - BLR, mà còn vươn rộng sang các nước khác ở Đông Âu và Trung Đông. Giám đốc MIVIMEC có vợ là công dân BLR. Với sự thông thạo tiếng Nga như tiếng mẹ đẻ, am hiểu phong tục tập quán của nước sở tại, ông này đã hoà nhập rất sâu vào xã hội sở tại, và trên thực tế coi mình có hai Tổ quốc là Việt Nam và BLR.

Chính quyền địa phương quản lý nơi ở và nơi làm việc, giới doanh nghiệp làm ăn và những người dân địa phương có quan hệ với vị giám đốc này đều có những đánh giá tốt về con người và gia đình ông. Ví dụ này cho thấy, đây là một trường hợp điển hình của sự hoà nhập sâu của đại diện cộng đồng người Việt vào xã hội BLR mà ở giai đoạn còn Liên Xô đã không thể có được. Ta cần đi sâu tìm hiểu, phổ biến và nhân rộng những trường hợp tương tự nếu có chủ trương giúp đỡ cộng đồng người Việt, trước hết là giới trí thức đi đầu trong việc xâm nhập sâu vào xã hội nước sở tại, qua đó làm phong phú thêm nội dung quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước trong bối cảnh mới.

Một ví dụ khác là về vị giám đốc công ty phần mềm - đại diện điển hình của giới trí thức Việt Nam hoà nhập sâu vào xã hội BLR. Về mặt vốn tài chính, theo đánh giá của nhiều nguồn, công ty này không thua kém, ngược lại có phần còn mạnh hơn công ty MIVIMEC. Khác với công ty MIVIMEC kinh doanh các mặt hàng truyền thống và theo con đường truyền thống, công ty phần mềm kinh doanh phần mềm, lập trình là lĩnh vực mũi nhọn của nền "Kinh tế trí thức" hiện nay. Sở dĩ vị giám đốc quyết định đi theo hướng này vì ông đánh giá đúng được khả năng và chất xám của đội ngũ chuyên gia cao cấp của BLR và đã biết sử dụng, hay nói đúng hơn là biết tổ chức được họ làm việc cho mình. Tuy nhiên, nếu chỉ bó hẹp ở thị trường BLR thì cũng không thể phát triển được. Vị giám đốc này đã liên hệ với công ty phần mềm của Mỹ và ký kết hợp đồng với họ để họ bao tiêu sản phẩm mà công ty ông làm ra. Như vậy đã hình thành một công ty

phần mềm xuyên quốc gia theo biểu thức: Công ty phần mềm BLR do ông chủ là người Việt Nam quản lý, cán bộ là tầng lớp trí thức có trình độ cao của BLR, quan hệ hợp tác làm ăn với công ty phần mềm của Mỹ. Theo các nguồn thông tin, công ty phần mềm này đã bắt đầu triển khai hoạt động tại Việt Nam (đang xây dựng trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh).

Tuy có vợ và hai con là người Việt Nam, mang quốc tịch Việt Nam, nhưng gia đình của vị giám đốc này đã được chính quyền sở tại cấp chứng nhận cư trú lâu dài tại BLR.

Hai ví dụ điển hình được nêu trên là những trường hợp hoà nhập sâu nhất vào xã hội sở tại BLR mà người Việt có thể làm được, còn để tiến xa hơn nhằm thâm nhập vào lĩnh vực chính trị (tham gia vào hệ thống chính trị của nước sở tại) là công việc của tương lai lâu dài. Sở dĩ như vậy vì: *Thứ nhất*, xã hội BLR, cũng như tất cả các nước khác trong không gian hậu Xô viết, còn đóng cửa về vấn đề này đối với người gốc nước ngoài; *Thứ hai*, bản thân những người gốc nước ngoài cũng chưa sẵn sàng cho việc này. Họ đến sinh sống ở BLR nói riêng, và ở các nước trong không gian hậu Xô viết nói chung chủ yếu là vì lý do kinh tế.

4. Các kiến nghị làm sâu sắc hơn quá trình hoà nhập

Để có nhiều người, trước hết là tầng lớp trí thức trong cộng đồng Việt Nam có thể hoà nhập sâu hơn vào xã hội BLR, cần phải có đủ các điều kiện cần thiết, bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan, tức là cần có nỗ

lực, cố gắng của bản thân từng cá nhân, đồng thời cần cả sự giúp đỡ, hỗ trợ của các cơ quan hữu quan hai nước.

- Đối với cá nhân cần

Phát huy cao độ năng lực và khả năng sở trường của mỗi cá nhân. Trong trường hợp vị giám đốc công ty phần mềm, đây là một chuyên gia giỏi về tin học, lại có đầu óc kinh doanh năng động. Chính sự kết hợp hài hoà hai nhân tố này trong con người ông đã là cơ sở quan trọng để vị giám đốc này xây dựng nên công ty phần mềm làm ăn có hiệu quả của mình. Còn các vị giám đốc các công ty MIVIMEC và “Sài Gòn” ở những mức độ khác nhau cũng là những người trí thức am hiểu sâu sắc về đất nước và con người BLR, cộng với khả năng nhạy bén trong kinh doanh, nên đã đạt được những thành quả lớn trong sự nghiệp của mình.

Đáng tiếc, đại đa số trong cộng đồng người Việt không hội tụ đủ các nhân tố này. Họ đều là những người có trình độ học vấn không cao. Có rất nhiều người nói tiếng Nga kém, hoặc thậm chí không nói được; hải lòng với công việc giản đơn, buôn đi bán lại, lấy công làm lãi với phương châm kiếm được đồng nào hay đồng nấy. Họ không có ý định sống lâu dài ở nước sở tại mà chỉ mong nếu điều kiện thuận lợi thì ở lại, còn không thì đi nơi khác hoặc về nước. Với tình trạng và cách suy nghĩ như thế, vấn đề xâm nhập sâu vào xã hội nước sở tại đối với đa số người là điều xa vời.

- Đối với Lãnh đạo hai nước cần

+ Nhà nước Việt Nam cần có chính sách khuyến khích đối với cộng đồng nói chung

và đặc biệt là đối với trí thức nói riêng, đồng thời đối với tất cả những ai trong cộng đồng người Việt mong muốn ở lại làm ăn lâu dài và xâm nhập sâu hơn vào xã hội nước sở tại. Điều này suy cho cùng sẽ có lợi cho tất cả các bên: cho cá nhân những người lao động, cho phía Việt Nam, cho phía Bạn và cho tình hữu nghị giữa hai nước.

Hình thức khuyến khích có nhiều, nhưng trước hết cần cố gắng tác động đến các cấp chính quyền Bạn làm sao để ngày càng có nhiều người trong cộng đồng người Việt được hưởng quy chế định cư hợp pháp tại nước Bạn. “An cư, lạc nghiệp” phải là điều quan tâm hàng đầu của phía ta, trong đó và trước hết là của các Đại sứ quán Việt Nam ở các nước SNG đối với cộng đồng người Việt. Trong những năm qua, do có những nỗ lực và cố gắng này, một số lượng khá đông người Việt ở BLR đã nhận được quy chế định cư lâu dài tại nước Bạn.

Ta cũng cần khuyến khích và hoan nghênh các đại diện cộng đồng người Việt ở các nước sở tại tham gia vào các tổ chức xã hội trong nước, chẳng hạn làm thành viên hoặc bầu vào các ban chấp hành Hội Hữu nghị của ta với các nước, qua đó các đại diện này sẽ cảm nhận thấy bản thân được tôn trọng hơn, được đánh giá hơn. Điều này sẽ là động lực quan trọng để họ phấn khởi phấn đấu hơn trong hoạt động và đóng góp nhiều hơn cho đất nước và cho xã hội nước sở tại.

+ Về phía Nhà nước BLR cũng đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng người Việt làm ăn, buôn bán, kinh doanh tại nước họ. Tuy nhiên để mở ra những bước mới cao hơn như cho phép công dân Việt

Nam làm việc trong các cơ quan, xí nghiệp và hưởng phúc lợi như công dân của BLR còn là công việc của tương lai. Điều này diễn ra sớm hoặc muộn còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có các điều kiện kinh tế - xã hội của nước sở tại, và đặc biệt là sự thay đổi trong tư duy của các nhà lãnh đạo BLR.

Tuy vậy chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của cộng đồng người Việt Nam tại BLR vì Tổng thống Lucashenco đã tuyên bố trong thời gian chuyển thăm chính thức Việt Nam tháng 4/2008 như sau: "Họ (cộng đồng người Việt ở BLR - tác giả) là những người của chúng tôi. Họ đã là người Belarus, người Việt Nam-Belarus. Bởi họ đã sống ở đất nước chúng tôi khá lâu. Họ là một bộ phận tốt của xã hội chúng tôi, họ rất yêu lao động. Chúng tôi ủng hộ họ và họ cũng đã là những người công dân của chúng tôi. Chúng tôi luôn đối xử tốt với họ như những người Belarus... Chúng tôi luôn sẵn sàng đón nhận những ai đến đây để làm việc, sinh sống và an cư ở đây; sẵn sàng đón nhận những ai mong muốn chung tay xây dựng mảnh đất này, xây dựng Belarus như trên quê hương mình".

Tài liệu tham khảo

1. *Nghị quyết 36-NQ/TU của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài* (Tài liệu học tập). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
2. Lê Thanh Vạn, *Bước phát triển mới của quan hệ hữu nghị Việt Nam-Belarus*. T/c Nghiên cứu quốc tế, số 2(73), tháng 6/2008.
3. Lê Thanh Vạn, *Bước phát triển mới trong quan hệ Việt- Nga*. T/c Nghiên cứu quốc tế, số 5(36). Tháng 10/2000.
4. PGS.TS. Nguyễn Quang Thuần (Chủ biên), *Liên Bang Nga-Quan hệ kinh tế đối ngoại trong những năm cải cách thị trường*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999.
5. PGS.TS. Vũ Đình Hoè, PGS.TS Nguyễn Hoàng Giáp, *Hợp tác chiến lược Việt-Nga*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
6. Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 50 năm quan hệ Việt Nam-LB Nga. Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội, 2000.
7. Nhiều tác giả, *"Liên Xô"- một từ không bao giờ quên*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
8. *Việt Nam-Liên Bang Nga: Quan hệ đối tác nhiều triển vọng*. T/c Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương. Kỳ 1, tháng 11/2008.
9. Tài liệu lưu trữ của Đại sứ quán Việt Nam tại LB Nga và BLR.
10. Các báo Việt Nam (Nhân dân, Hà Nội mới...)
11. Các báo Nga (Известия, Правда, Независимая...).
12. Các báo Belarus (Республика, Вечерний Минск...).
13. А.Куцелай, Посол РБ в СРВ: *Состояние и развитие Белорусско-вьетнамских отношений*. Весник МИД РБ, № 1(32)2005.
14. Ле Тхань Ван, Бывший Советник Посольства СРВ в РБ: *Вьетнам и Беларусь - Этапы и перспективы многогранного сотрудничества*. Весник МИД РБ, № 1(32) 2005.